



Số: **001523** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 27448.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.  
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY – HƯƠNG VIỆT QUẤT – VINAMILK ADM BERRIES GUM  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-1  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 03 hộp x 180 mL  
Ngày nhận mẫu : 31/12/2020  
Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm  
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu                       | Phương pháp                                                        | Kết quả     | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 1   | <i>Streptococci faecal</i>     | HD.PP.07.02/TT.VS [Ref. TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)]        | < 1 CFU /mL | 04/01/2021       |
| 2   | Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | HD.PP.01.01/TT.VS (AOAC 966.23) (b) (d)                            | < 1 CFU /mL | 04/01/2021       |
| 3   | Coliforms                      | HD.PP.02.07/TT.VS (TCVN 6848:2007) (ISO 4832:2006) (b) (d)         | < 1 CFU /mL | 04/01/2021       |
| 4   | <i>Escherichia coli</i>        | HD.PP.02.04/TT.VS (AOAC 991.14, TCVN 9975:2013) (b) (d)            | < 1 CFU /mL | 04/01/2021       |
| 5   | <i>Clostridium perfringens</i> | HD.PP.05.01/TT.VS (AOAC 976.30) (b) (d)                            | < 1 CFU /mL | 04/01/2021       |
| 6   | <i>Staphylococcus aureus</i>   | HD.PP.03.02/TT.VS (AOAC 975.55) (b) (d)                            | < 1 CFU /mL | 04/01/2021       |
| 7   | <i>Pseudomonas aeruginosa</i>  | HD.PP.08.01/TT.VS:2018 (Modify 3347/QĐ-BYT ngày 31/7/2001) (b) (d) | < 1 CFU /mL | 04/01/2021       |
| 8   | Định lượng nấm men và nấm mốc  | HD.PP.32.2/TT.VS (TCVN 8275-1:2010) (ISO 21527-1:2008) (b) (d)     | < 1 CFU /mL | 04/01/2021       |

**Mã số mẫu: 27448.20**

**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/01/2021.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 1 CFU /mL : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ...**2.0**...-**01**...**2021**...

**TUQ. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**TS. Nguyễn Đức Thịnh**



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 27451.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.  
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY – HƯƠNG VIỆT QUẤT – VINAMILK ADM BERRIES GUM  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-1  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL  
Ngày nhận mẫu : 31/12/2020  
Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu        | Phương pháp                  | Kết quả                              | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|-----------------|------------------------------|--------------------------------------|------------------|
| 1   | Arsen (As) tổng | HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg | 05/01/2021       |

#### Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/01/2021.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20-01-2021**...

TUQ. VIỆN TRƯỞNG  
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh





Số: 001527 /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 27452.20



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.  
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY – HƯƠNG VIỆT QUẤT – VINAMILK ADM BERRIES GUM  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-1  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL  
Ngày nhận mẫu : 31/12/2020  
Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu    | Phương pháp                  | Kết quả                              | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|-------------|------------------------------|--------------------------------------|------------------|
| 1   | Cadimi (Cd) | HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg | 05/01/2021       |

#### Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/01/2021.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20-01-2021

TUQ. VIỆN TRƯỞNG  
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **001525** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 27450.20



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.  
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY – HƯƠNG VIỆT QUẤT – VINAMILK ADM BERRIES GUM  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-1  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL  
Ngày nhận mẫu : 31/12/2020  
Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp                  | Kết quả                              | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|----------|------------------------------|--------------------------------------|------------------|
| 1   | Chì (Pb) | HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg | 05/01/2021       |

#### Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/01/2021.
  - (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
  - (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20-01-2021**

**TU. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**TS. Nguyễn Đức Thịnh**





Số: **001528** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 27453.20



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.  
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY – HƯƠNG VIỆT QUẤT – VINAMILK ADM BERRIES GUM  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-1  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL  
Ngày nhận mẫu : 31/12/2020  
Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu       | Phương pháp                  | Kết quả                              | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|----------------|------------------------------|--------------------------------------|------------------|
| 1   | Thủy ngân (Hg) | HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg | 05/01/2021       |

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/01/2021.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20-01-2021**

**TUQ. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**TS. Nguyễn Đức Thịnh**



Số: **001529** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 27454.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.  
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY – HƯƠNG VIỆT QUẤT – VINAMILK ADM BERRIES GUM  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-1  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL  
Ngày nhận mẫu : 31/12/2020  
Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu     | Phương pháp                                                                                                     | Kết quả                             | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------|
| 1   | Aflatoxin M1 | HD.PP.03-1/TT.SK                                                                                                | Không phát hiện<br>MLOD = 0,1 µg/kg | 08/11/2021       |
| 2   | Patulin      | HD.PP.31/TT.SK:2019 (Ref. UCT 6103-03-01, 2014 & Ref. Food Analytical Methods, 2019, Vol 12, Issue 1, pp 76-93) | Không phát hiện<br>MLOD = 2 µg/kg   | 05/01/2021       |

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.  
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/01/2021.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .....**20-01-2021**

**TU. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**TS. Nguyễn Đức Thịnh**





Số: **001530** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 27455.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.  
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG VIỆT QUẤT - VINAMILK ADM  
BERRIES GUM  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-1  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL  
Ngày nhận mẫu : 31/12/2020  
Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp                                | Kết quả                              | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|----------|--------------------------------------------|--------------------------------------|------------------|
| 1   | Melamine | TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (b) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,05 mg/kg | 11/01/2021       |

#### Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/01/2021.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20-01-2021**

**TU. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**TS. Nguyễn Đức Thịnh**





Số: **001533** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 27509.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.  
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG VIỆT QUẤT - VINAMILK ADM BERRIES GUM  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-1  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL  
Ngày nhận mẫu : 31/12/2020  
Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu                           | Phương pháp                                                       | Kết quả                              | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------|
| 1   | Cyfluthrin                         | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)                    | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/L    | 05/01/2021       |
| 2   | L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)        | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)                    | Không phát hiện<br>MLOD = 10 µg/L    | 05/01/2021       |
| 3   | Deltamethrin                       | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)                    | Không phát hiện<br>MLOD = 20 µg/L    | 05/01/2021       |
| 4   | Albendazole                        | Ref. AOAC 2007.01                                                 | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/L     | 06/01/2021       |
| 5   | Amoxicillin                        | HD.PP.46/TT.SK                                                    | Không phát hiện<br>MLOD = 1 µg/L     | 04/01/2021       |
| 6   | Clenbuterol                        | HD.PP.43-1/TT.SK                                                  | Không phát hiện<br>MLOD = 0,014 µg/L | 06/01/2021       |
| 7   | Colistin                           | HD.PP.30/TT.SK                                                    | Không phát hiện<br>MLOD = 15 µg/L    | 04/01/2021       |
| 8   | Cypermethrin và alpha-Cypermethrin | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)                    | Không phát hiện<br>MLOD = 40 µg/L    | 05/01/2021       |
| 9   | Monensin                           | Ref. AOAC 2007.01                                                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,5 µg/L   | 06/01/2021       |
| 10  | Tylosin                            | HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.I.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 7 µg/L     | 04/01/2021       |

Mã số mẫu: 27509.20

| Stt | Chỉ tiêu            | Phương pháp                                                                                                                                                                                         | Kết quả                            | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------|
| 11  | Dexamethasone       | HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,1 µg/L | 06/01/2021       |
| 12  | Benzylpenicillin    | Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)                                                                                                                                                               | Không phát hiện<br>MLOD = 1 µg/L   | 04/01/2021       |
| 13  | Clortetracyclin     | HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)                                                                                                     | Không phát hiện<br>MLOD = 15 µg/L  | 11/01/2021       |
| 14  | Oxytetracyclin      | HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)                                                                                                     | Không phát hiện<br>MLOD = 15 µg/L  | 11/01/2021       |
| 15  | Tetracyclin         | HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)                                                                                                     | Không phát hiện<br>MLOD = 15 µg/L  | 11/01/2021       |
| 16  | Dihydrostreptomycin | HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)                                                                                                                                                          | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/L  | 06/01/2021       |
| 17  | Streptomycin        | HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)                                                                                                                                                          | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/L  | 06/01/2021       |
| 18  | Gentamicin          | HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)                                                                                                                                                          | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/L  | 06/01/2021       |
| 19  | Spiramycin          | HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)                                                                                                                                  | Không phát hiện<br>MLOD = 7 µg/L   | 04/01/2021       |
| 20  | Ceftiofur           | HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133 - 5140) (a)                                                                                                                                | Không phát hiện<br>MLOD = 7 µg/L   | 04/01/2021       |
| 21  | Lincomycin          | Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)                                                                                                                                                               | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/L   | 04/01/2021       |
| 22  | Neomycin            | HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)                                                                                                                                                          | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/L  | 06/01/2021       |
| 23  | Pirlimycin          | HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)                                                                                                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 7 µg/L   | 04/01/2021       |
| 24  | Spectinomycin       | HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)                                                                                                                                                          | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/L  | 06/01/2021       |
| 25  | Sulfadimidin        | HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)                                                                                                                                  | Không phát hiện<br>MLOD = 7 µg/L   | 04/01/2021       |
| 26  | Diminazen           | Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)                                                                                                                                                                         | Không phát hiện<br>MLOD = 10 µg/L  | 04/01/2021       |
| 27  | Doramectin          | Ref. CLG-MRM1.05                                                                                                                                                                                    | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/L   | 06/01/2021       |
| 28  | Eprinomectin        | Ref. CLG-MRM1.05                                                                                                                                                                                    | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/L   | 06/01/2021       |





| Stt | Chỉ tiêu                 | Phương pháp                           | Kết quả                           | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|--------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------|------------------|
| 29  | Febantel                 | Ref. CLG-MRM1.05                      | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/L  | 06/01/2021       |
| 30  | Fenbendazole             | Ref. CLG-MRM1.05                      | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/L  | 06/01/2021       |
| 31  | Oxfendazole              | Ref. CLG-MRM1.05                      | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/L  | 06/01/2021       |
| 32  | Imidocarb                | Ref. AOAC 2007.01                     | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/L  | 06/01/2021       |
| 33  | Isometamidium            | Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)           | Không phát hiện<br>MLOD = 10 µg/L | 04/01/2021       |
| 34  | Ivermectin               | Ref. CLG-MRM1.05                      | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/L  | 06/01/2021       |
| 35  | Thiabendazole            | Ref. CLG-MRM1.05                      | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/L  | 06/01/2021       |
| 36  | Trichlorfon (Metrifonat) | Ref. AOAC 2007.01                     | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/L  | 06/01/2021       |
| 37  | Procaïn benzylpenicilin  | Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015) | Không phát hiện<br>MLOD = 1 µg/L  | 04/01/2021       |

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/01/2021.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20-01-2021**

**TUỔI VIÊN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**TS. Nguyễn Đức Thịnh**





Số: 001532 /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 27457.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.  
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY – HƯƠNG VIỆT QUẤT – VINAMILK ADM BERRIES GUM  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-1  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL  
Ngày nhận mẫu : 31/12/2020  
Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu           | Phương pháp                                    | Kết quả                               | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|--------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------|
| 1   | Dimethoate         | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 07/01/2021       |
| 2   | Ethephon           | Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 07/01/2021       |
| 3   | Lindan             | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 05/01/2021       |
| 4   | Chlordane          | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,001 mg/kg | 05/01/2021       |
| 5   | DDT                | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 05/01/2021       |
| 6   | Piperonyl butoxide | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 07/01/2021       |
| 7   | Disulfoton         | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 05/01/2021       |
| 8   | Fipronil           | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 05/01/2021       |
| 9   | Heptachlor         | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 05/01/2021       |
| 10  | Thiabendazole      | Ref. CLG-MRM1.05                               | Không phát hiện<br>MLOD = 0,003 mg/kg | 07/01/2021       |
| 11  | Abamectin          | Ref. CLG-MRM1.05                               | Không phát hiện<br>MLOD = 0,004 mg/kg | 06/01/2021       |
| 12  | Chlorpyrifos       | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 05/01/2021       |

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 27457.20

| Stt | Chỉ tiêu      | Phương pháp                                    | Kết quả                               | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|---------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------|
| 13  | Chlormequat   | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 07/01/2021       |
| 14  | Methamidophos | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 07/01/2021       |
| 15  | Penconazole   | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 07/01/2021       |
| 16  | Spinosad      | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 07/01/2021       |
| 17  | Tebufozide    | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 07/01/2021       |
| 18  | Flumethrin    | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 07/01/2021       |
| 19  | Endosulfan    | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,003 mg/kg | 05/01/2021       |
| 20  | Aldrin        | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 05/01/2021       |
| 21  | Dieldrin      | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 05/01/2021       |

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/01/2021.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20-01-2021**

**TUQ. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**TS. Nguyễn Đức Thịnh**





Số: **001531** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 27456.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.  
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY – HƯƠNG VIỆT QUẤT – VINAMILK ADM  
BERRIES GUM  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-1  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL  
Ngày nhận mẫu : 31/12/2020  
Người gửi mẫu : Trần Minh Tuấn  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu     | Phương pháp       | Kết quả                                | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|--------------|-------------------|----------------------------------------|------------------|
| 1   | Diphenylamin | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0001 mg/kg | 07/01/2021       |
| 2   | Propargite   | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 07/01/2021       |

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.  
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/01/2021.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20-01-2021**

**TUQ. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**TS. Nguyễn Đức Thịnh**